

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-ST.

Ngày 24/7/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc;

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1). Địa chỉ: Số B, đường N, Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H, chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ kiêm Trưởng phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

Địa chỉ: Số B, đường N, Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H ủy quyền cho ông Đặng Ngọc D, chức vụ: Phó phòng quản lý nợ -H2 hoặc anh Thái Tuấn A, chức vụ chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân – Chi nhánh T2 (theo văn bản ủy quyền đề ngày 01/6/2023, ông D và anh Tuấn A đều có mặt).

- Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Đoan T1, sinh năm 1980; Vắng mặt không lý do
Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1978. Vắng mặt không lý do
Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đặng Ngọc D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1) trình bày:

Vào ngày 26/01/2022, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H1) có ký hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 với bà Nguyễn Thị Đoan T1 và ông Nguyễn Quang Đ và cho ông Đ và bà T1 vay số tiền là 11.200.000.000 đồng, mục đích vay nông nghiệp bổ sung vốn nuôi tôm (mua con giống, thức ăn, thuốc thủy sản), lãi suất vay trong hạn là 9%/năm, phương thức thanh toán là trả gốc khi đến hạn và trả lãi là 03 tháng/lần vào ngày 05 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05/4/2022, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 28/01/2022 đến ngày 27/01/2023 theo khế ước nhận nợ số 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022 thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên theo yêu cầu của ông Đ và bà T1,

Khi vay số tiền 11.200.000.000 đồng của Ngân hàng thì ông Đ và bà T1 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022, tài sản thế chấp gồm các thửa đất sau:

1. Thửa đất số 4222, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.692m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
2. Thửa đất số 3568, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
3. Thửa đất số 3559, tờ bản đồ số 4, diện tích 474m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
4. Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 4, diện tích 588m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
5. Thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.750m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
6. Thửa đất số 1365, tờ bản đồ số 4, diện tích 295m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
7. Thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.160m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
8. Thửa đất số 3562, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.675m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

9. Thửa đất số 2018, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.180m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

10. Thửa đất số 1952, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.328m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

11. Thửa đất số 1951, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.172m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

12. Thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.260m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

13. Thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.073m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

14. Thửa đất số 1446, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.657m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

15. Thửa đất số 1439, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.076m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

16. Thửa đất số 1440, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.709m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

17. Thửa đất số 1449, tờ bản đồ số 4, diện tích 650m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

18. Thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.040m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

19. Thửa đất số 2024, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.910m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

20. Thửa đất số 1454, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.867m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

21. Thửa đất số 1457, tờ bản đồ số 4, diện tích 160m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

22. Thửa đất số 1909, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.654m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

23. Thửa đất số 1467, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.788m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

24. Thửa đất số 1470, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.559m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

25. Thửa đất số 1920, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

Đến ngày 09/02/2022, bà Nguyễn Thị Đoan T1 có đề nghị Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H cấp thẻ tín dụng, hạn mức là 200.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm, mục đích vay là mua sắm, tiêu dùng, lãi suất tại thời điểm vay là 24%/ năm/ số tiền rút, lãi suất vay đối với thẻ tín dụng không cố định, có sự thay đổi và được công bố chính thức trên Website chính thức của H2 hoặc dưới hình thức khác mà H2 cho là phù hợp, thời hạn thẻ là 60 tháng, phương thức thanh toán là khách hàng thanh toán tối thiểu là 3% dư nợ, phần còn lại thì tính lãi. Quá trình vay đối với hợp đồng tín dụng thì ông Đ và bà T1 có trả lãi cho Ngân hàng được 125.000.000 đồng thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Đ và bà T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nhưng ông, bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Nay ông Đ đại diện cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Đoan T1 và ông Nguyễn Quang Đ phải trả tổng số tiền gốc và lãi đối với hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 là 12.984.406.265 đồng, trong đó nợ gốc 11.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày 26/01/2023 là 637.673.972 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 27/01/2023 đến ngày 24/7/2023 là 1.106.038.356 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 24/7/2023 là 40.693.937 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Đoan T1 và ông Nguyễn Quang Đ phải trả tổng số tiền gốc và lãi đối với thẻ tín dụng là 244.960.647 đồng, trong đó nợ gốc 192.923.899 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/3/2023 đến ngày 03/4/2023 (có sự điều chỉnh tăng/giảm trong kỳ lãi) là 30.003.121 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 21.121.203 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 03/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 912.424 đồng. Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị Đoan T1 và ông Nguyễn Quang Đ phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết. Trước đây Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà T1 phải trả số tiền phí thẻ tín dụng là 2.390.476 đồng nhưng tại phiên tòa ông Đ đại diện Ngân hàng rút lại yêu cầu đối với phí thẻ là không yêu cầu ông Đ và bà T1 trả số tiền phí thẻ là 2.390.476 đồng.

- Trường hợp ông Đ và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và theo khế ước nhận nợ số 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022 thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1) yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp gồm các thửa đất sau:

1. Thửa đất số 4222, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.692m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

2. Thửa đất số 3568, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
3. Thửa đất số 3559, tờ bản đồ số 4, diện tích 474m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
4. Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 4, diện tích 588m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
5. Thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.750m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
6. Thửa đất số 1365, tờ bản đồ số 4, diện tích 295m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
7. Thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.160m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
8. Thửa đất số 3562, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.675m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
9. Thửa đất số 2018, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.180m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
10. Thửa đất số 1952, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.328m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
11. Thửa đất số 1951, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.172m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
12. Thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.260m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
13. Thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.073m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
14. Thửa đất số 1446, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.657m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
15. Thửa đất số 1439, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.076m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
16. Thửa đất số 1440, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.709m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
17. Thửa đất số 1449, tờ bản đồ số 4, diện tích 650m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
18. Thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.040m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

19. Thửa đất số 2024, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.910m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

20. Thửa đất số 1454, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.867m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

21. Thửa đất số 1457, tờ bản đồ số 4, diện tích 160m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

22. Thửa đất số 1909, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.654m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

23. Thửa đất số 1467, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.788m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

24. Thửa đất số 1470, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.559m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

25. Thửa đất số 1920, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022 để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H theo hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và khế ước nhận nợ số 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022 và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1).

Anh Thái Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H thống nhất theo lời trình bày của ông Đặng Ngọc D, không có ý kiến gì bổ sung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận theo quy định pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Căn cứ quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 299, 317, 318,

323, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147, 157, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H1), buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoàn T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H1) nợ gốc và lãi suất phát sinh cụ thể gồm:

+ Số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng đến ngày 24/7/2023 là 12.984.406.265 đồng, trong đó nợ gốc 11.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày 26/01/2023 là 637.673.972 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 27/01/2023 đến ngày 24/7/2023 là 1.106.038.356 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 24/7/2023 là 40.693.937 đồng cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

+ Số tiền gốc và lãi của hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 244.960.647 đồng, trong đó nợ gốc 192.923.899 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/3/2023 đến ngày 03/4/2023 (có sự điều chỉnh tăng/giảm trong kỳ lãi) là 30.003.121 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 21.121.203 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 03/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 912.424 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng.

- Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H1) đối với số tiền phí thẻ là 2.390.476 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoàn T1 không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 cho ngân hàng đúng quy định thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022 do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoàn T1 đứng tên quyền sử dụng đất để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H1).

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoàn T1 chịu án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoàn T1 chịu chi phí tố tụng theo quy định.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà T1 theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Xét thấy Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1) khởi kiện ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi, đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn*:

- Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 26/01/2022, bà Nguyễn Thị Đoan T1 và ông Nguyễn Quang Đ có ký hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022 với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H để vay số tiền 11.200.000.000 đồng, mục đích vay nông nghiệp bổ sung vốn nuôi tôm (mua con giống, thức ăn, thuốc thủy sản), thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 28/01/2022 đến ngày 27/01/2023, lãi suất vay trong hạn là 9%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm và có thể được H2 điều chỉnh theo quy định của H2 trên cơ sở phù hợp với quy định Ngân hàng N trong từng thời kỳ, phương thức thanh toán là trả gốc khi đến hạn và trả lãi là 03 tháng/lần vào ngày 05 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 05/4/2022. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho ông Đ và bà T1 theo khế ước nhận nợ số 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022. Sau khi vay số tiền 11.200.000.000 đồng của Ngân hàng thì ông Đ và bà T1 có thanh toán được một phần tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng là 125.000.000 đồng. Kể từ ngày 29/9/2022 thì ông, bà ngưng đóng lãi của kỳ hạn lãi từ ngày 05/7/2022 và không trả gốc cho Ngân hàng như cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, cán bộ tín dụng đã nhiều lần liên hệ ông Đ và bà T1 để yêu cầu trả gốc và lãi suất nhưng ông Đ và bà T1 không thực hiện. Đồng thời ông Đ và bà T1 đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống mà không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ sinh sống mới là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Từ đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải trả số tiền gốc và lãi đối với hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 là 12.984.406.265 đồng, trong đó nợ gốc

là 11.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày 26/01/2023 là 637.673.972 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 27/01/2023 đến ngày 24/7/2023 là 1.106.038.356 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 24/7/2023 là 40.693.937 đồng.

Đồng thời buộc ông Đ và bà T1 tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và khế ước nhận nợ số 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022.

Anh Thái Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H thống nhất theo lời trình bày của ông Đặng Ngọc D, không có ý kiến bổ sung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đ và bà T1 đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Xét thấy ông Đ và bà T1 có vay tiền của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H thể hiện qua hợp đồng tín dụng số 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022 và ông Đ, bà T1 có đóng được một phần tiền lãi trong hạn cho Ngân hàng được số tiền là 125.000.000 đồng. Kể từ ngày 29/9/2022 thì ông, bà ngưng đóng lãi của kỳ hạn lãi từ ngày 05/7/2022. Khi đến kỳ hạn thanh toán số tiền gốc và lãi suất thì ông, bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng có cung cấp các chứng cứ gồm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022; Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022; Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022; Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 26/01/2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Biên bản làm việc đề các ngày 06/10/2022, 10/10/2022, 24/10/2022, 14/11/2022 đã chứng minh được ông Đ và bà T1 có vay tiền của Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng số tiền nêu trên chưa trả.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 91, 92, 93, 94, 95 và Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022 là 12.984.406.265 đồng, trong đó nợ gốc là 11.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày 26/01/2023 là 637.673.972 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 27/01/2023 đến ngày 24/7/2023 là 1.106.038.356 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 24/7/2023 là 40.693.937 đồng. Đồng thời buộc ông Đ và bà T1 tiếp tục trả lãi suất phát sinh kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số:

4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022.

- Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Xét thấy khi ông Đ và bà T1 vay số tiền 11.200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H thì ông Đ và bà T1 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022 và thế chấp các thửa đất gồm:

1. Thửa đất số 4222, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.692m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
2. Thửa đất số 3568, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
3. Thửa đất số 3559, tờ bản đồ số 4, diện tích 474m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
4. Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 4, diện tích 588m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
5. Thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.750m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
6. Thửa đất số 1365, tờ bản đồ số 4, diện tích 295m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
7. Thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.160m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
8. Thửa đất số 3562, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.675m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
9. Thửa đất số 2018, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.180m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
10. Thửa đất số 1952, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.328m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
11. Thửa đất số 1951, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.172m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
12. Thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.260m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
13. Thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.073m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
14. Thửa đất số 1446, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.657m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
15. Thửa đất số 1439, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.076m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

16. Thửa đất số 1440, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.709m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

17. Thửa đất số 1449, tờ bản đồ số 4, diện tích 650m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

18. Thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.040m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

19. Thửa đất số 2024, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.910m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

20. Thửa đất số 1454, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.867m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

21. Thửa đất số 1457, tờ bản đồ số 4, diện tích 160m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

22. Thửa đất số 1909, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.654m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

23. Thửa đất số 1467, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.788m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

24. Thửa đất số 1470, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.559m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

25. Thửa đất số 1920, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất khi đến hạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp theo quy định. Xét thấy tài sản ông Đ và bà T1 thế chấp là tài sản của ông, bà và hiện tại không ai quản lý. Khi vay số tiền 11.200.000.000 đồng thì ông, bà đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Quá trình vay tiền của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H thì ông Đ và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Từ đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi các thửa đất nêu trên để thu hồi gốc và lãi suất cho Ngân hàng là đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử buộc ông Đ và bà T1 có nghĩa vụ giao các thửa đất gồm:

1. Thửa đất số 4222, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.692m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

2. Thửa đất số 3568, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
3. Thửa đất số 3559, tờ bản đồ số 4, diện tích 474m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
4. Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 4, diện tích 588m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
5. Thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.750m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
6. Thửa đất số 1365, tờ bản đồ số 4, diện tích 295m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
7. Thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.160m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
8. Thửa đất số 3562, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.675m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
9. Thửa đất số 2018, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.180m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
10. Thửa đất số 1952, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.328m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
11. Thửa đất số 1951, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.172m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
12. Thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.260m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
13. Thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.073m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
14. Thửa đất số 1446, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.657m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
15. Thửa đất số 1439, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.076m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
16. Thửa đất số 1440, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.709m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
17. Thửa đất số 1449, tờ bản đồ số 4, diện tích 650m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
18. Thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.040m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

19. Thửa đất số 2024, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.910m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

20. Thửa đất số 1454, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.867m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

21. Thửa đất số 1457, tờ bản đồ số 4, diện tích 160m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

22. Thửa đất số 1909, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.654m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

23. Thửa đất số 1467, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.788m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

24. Thửa đất số 1470, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.559m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

25. Thửa đất số 1920, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022.

- Đối với hợp đồng thế tín dụng:

Sau khi vay số tiền 11.200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H. Đến ngày 09/02/2022, bà Nguyễn Thị Đoan T1 có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H, hạn mức cấp thẻ là 200.000.000 đồng, không có tài sản bảo đảm, mục đích vay là tiêu dùng, mua sắm, thời hạn là 60 tháng, lãi suất tại thời điểm vay là 24%/ năm/ số tiền rút, nếu không sử dụng thì không tính lãi, lãi suất vay đối với thẻ tín dụng không cố định, có sự thay đổi và được công bố chính thức trên Website chính thức của H2 hoặc dưới hình thức khác mà H2 cho là phù hợp, phương thức thanh toán là khách hàng thanh toán tối thiểu là 3% dư nợ, phần còn lại thì tính lãi và Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đã cấp thẻ tín dụng cho bà T1 số tiền là 200.000.000 đồng, hiện tại bà T1 còn nợ Ngân hàng là 244.960.647 đồng, đối với nợ thẻ tín dụng thì khách hàng không có thanh toán lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải trả số tiền gốc là 244.960.647 đồng, trong đó nợ gốc là 192.923.899 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/3/2023 đến ngày 03/4/2023 (có sự điều chỉnh tăng/giảm trong kỳ lãi) là 30.003.121 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 21.121.203 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 03/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 912.424 đồng. Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị Đoan T1 và ông Nguyễn Quang Đ phải trả tiền lãi phát sinh kể từ

ngày 25/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết.

Đối với tiền phí của thẻ tín dụng là 2.390.476 đồng trước đây Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà T1 trả số tiền phí của thẻ tín dụng là 2.390.476 đồng nhưng tại phiên tòa đại diện Ngân hàng rút lại không yêu cầu ông Đ và bà T1 trả tiền phí của thẻ tín dụng là 2.390.476 đồng.

Xét thấy, khi Ngân hàng cấp thẻ tín dụng thì chủ thẻ là bà T1. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 14/11/2022 do Ngân hàng cung cấp, thể hiện: “Ông Đ sẽ thanh toán hết phần lãi trễ hạn của khoản vay 11.200.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng đại diện khoản vay tối đa đến ngày 18/11/2022 và thanh toán hết dư nợ thẻ tín dụng hạn mức 200.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đoan T1 tối đa đến ngày 25/11/2022”, điều này đã chứng minh được khi bà T1 được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng thì ông Đ có biết việc này và đồng ý trả tiền đối với thẻ tín dụng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải trả số tiền gốc và lãi đối với thẻ tín dụng là 244.960.647 đồng, trong đó nợ gốc là 192.923.899 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/3/2023 đến ngày 03/4/2023 (có sự điều chỉnh tăng/giảm trong kỳ lãi) là 30.003.121 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 21.121.203 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 03/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 912.424 đồng cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H. Đồng thời buộc bà Nguyễn Thị Đoan T1 và ông Nguyễn Quang Đ phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết.

Trước đây Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà T1 trả tiền phí của thẻ tín dụng là 2.390.476 đồng, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng rút lại yêu cầu đối với phí thẻ không yêu cầu ông Đ và bà T1 trả tiền phí của thẻ tín dụng là 2.390.476 đồng. Xét thấy việc Ngân hàng rút lại yêu cầu đối với phí thẻ tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của luật. Căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với phí thẻ tín dụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải chịu án phí theo quy định đối với tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 13.229.366.912 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang phát biểu về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 147, 217, 235, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H.

- Về số tiền gốc và lãi suất phải trả theo hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022:

Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải trả số tiền gốc và lãi là 12.984.406.265 đồng, trong đó nợ gốc là 11.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 05/7/2022 đến ngày 26/01/2023 là 637.673.972 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 27/01/2023 đến ngày 24/7/2023 là 1.106.038.356 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 24/7/2023 là 40.693.937 đồng cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

- Về tài sản thế chấp:

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H thì buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải giao tài sản thế chấp gồm:

1. Thửa đất số 4222, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.692m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;

2. Thửa đất số 3568, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

3. Thửa đất số 3559, tờ bản đồ số 4, diện tích 474m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

4. Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 4, diện tích 588m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

5. Thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.750m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

6. Thửa đất số 1365, tờ bản đồ số 4, diện tích 295m² đất tọa lạc tại ấp S, xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

7. Thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.160m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
8. Thửa đất số 3562, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.675m² đất tọa lạc tại xã L, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
9. Thửa đất số 2018, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.180m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
10. Thửa đất số 1952, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.328m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
11. Thửa đất số 1951, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.172m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
12. Thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.260m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
13. Thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.073m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
14. Thửa đất số 1446, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.657m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
15. Thửa đất số 1439, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.076m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
16. Thửa đất số 1440, tờ bản đồ số 4, diện tích 4.709m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
17. Thửa đất số 1449, tờ bản đồ số 4, diện tích 650m² đất tọa lạc tại xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
18. Thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.040m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
19. Thửa đất số 2024, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.910m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
20. Thửa đất số 1454, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.867m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
21. Thửa đất số 1457, tờ bản đồ số 4, diện tích 160m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ đứng tên quyền sử dụng đất;
22. Thửa đất số 1909, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.654m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;
23. Thửa đất số 1467, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.788m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

24. Thửa đất số 1470, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.559m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất;

25. Thửa đất số 1920, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m² đất tọa lạc tại ấp L, xã H, huyện C do ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 đứng tên quyền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3946/22MN/HĐBĐ, ngày 26/01/2022.

- *Về số tiền gốc và lãi suất phải trả theo hợp đồng thế chấp, ngày 09/02/2022:*

Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải trả số tiền gốc và lãi là 244.960.647 đồng, trong đó nợ gốc là 192.923.899 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/3/2023 đến ngày 03/4/2023 là 30.003.121 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 21.121.203 đồng và tiền phạt chậm trả lãi từ ngày 03/4/2023 đến ngày 24/7/2023 là 912.424 đồng cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đối với số tiền phí thế chấp là 2.390.476 đồng.

- *Về lãi suất chậm trả:*

Kể từ ngày 25/7/2023, buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 4234/22MN/HĐTD, ngày 26/01/2022; đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4234/22MN/HĐTD/KUNN01, ngày 27/01/2022 và hợp đồng cấp thế chấp tín dụng ngày 09/02/2022. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải chịu 121.229.366 đồng (Một trăm hai mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) án phí. Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H không phải chịu án phí hoàn trả cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí là 60.043.757 đồng (Sáu mươi triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0015635, ngày 22/02/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

- *Về chi phí tố tụng:* Buộc ông Nguyễn Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đoan T1 phải chịu 4.388.000 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) chi phí tố tụng. Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đã nộp đủ chi phí tố tụng là 4.388.000 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng). Do đó buộc ông Đ và bà T1 phải nộp 4.388.000 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi tám

ngàn đồng) để hoàn trả lại số tiền 4.388.000 đồng (Bốn triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà